

Ngày 31/12/2025	10,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-17.2%	6.9%	19.0%

	2025	
ROE	7.1%	+/- YoY ▲ 5.6%

	Q4/25		
DT thuần	220	QoQ ▲ 96.0 ▲ 77.4%	YoY ▲ 69.0 ▲ 45.7%
	tỷ VNĐ		

	2025	
DT thuần	547	YoY ▼ 80.0 ▼ 12.8%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN gộp	28.4	QoQ ▲ 9.60 ▲ 51.1%	YoY ▲ 12.5 ▲ 78.7%
	tỷ VNĐ		

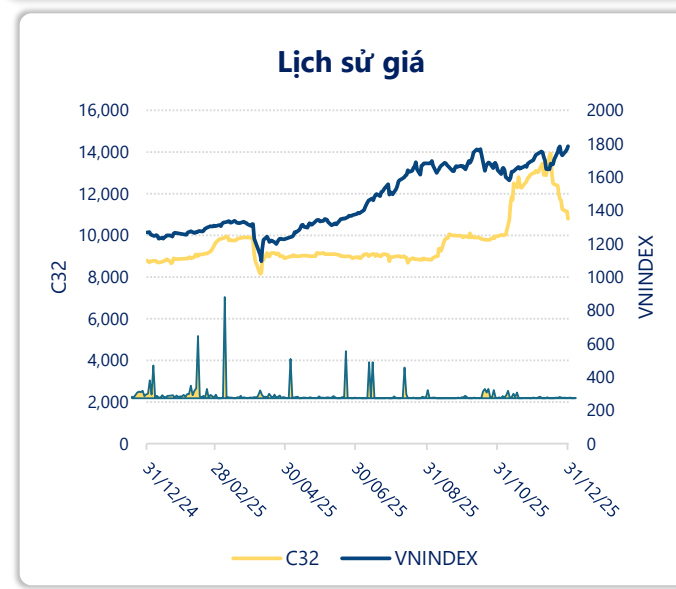
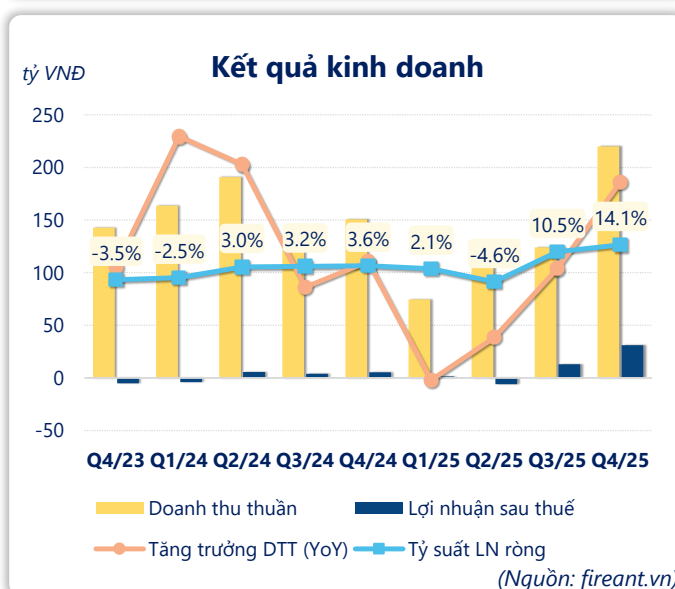
	2025	
LN gộp	77.5	YoY ▲ 19.5 ▲ 33.6%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN thuần	31.3	QoQ ▲ 22.3 ▲ 247%	YoY ▲ 26.2 ▲ 515%
	tỷ VNĐ		

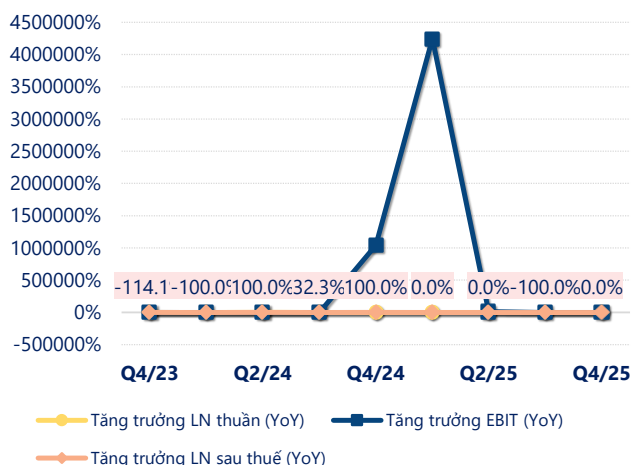
	2025	
LN thuần	50.0	YoY ▲ 44.2 ▲ 764%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN sau thuế	31.1	QoQ ▲ 18.0 ▲ 137%	YoY ▲ 25.7 ▲ 477%
	tỷ VNĐ		

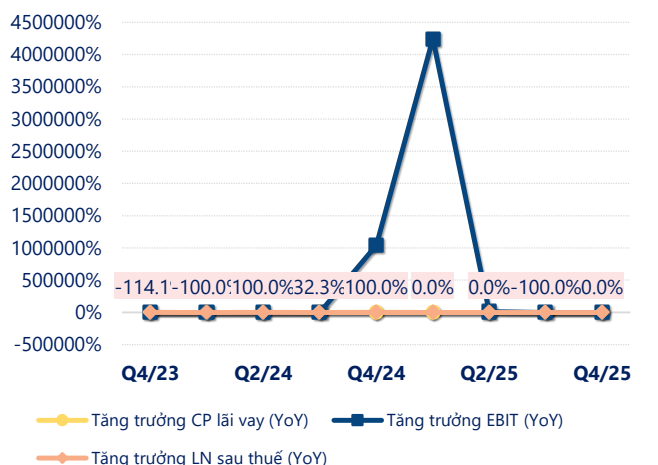
	2025	
LN sau thuế	39.8	YoY ▲ 31.7 ▲ 389%
	tỷ VNĐ	



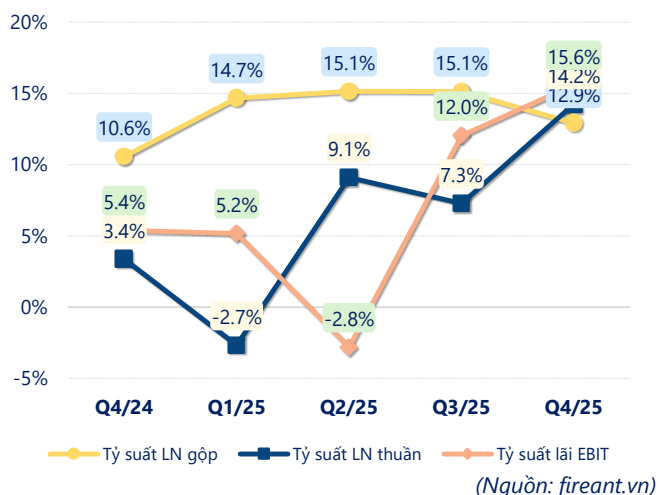
Tăng trưởng lợi nhuận



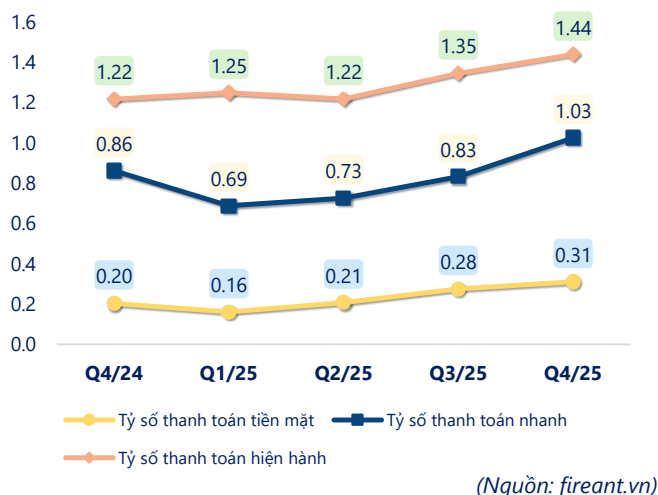
Tăng trưởng chi phí



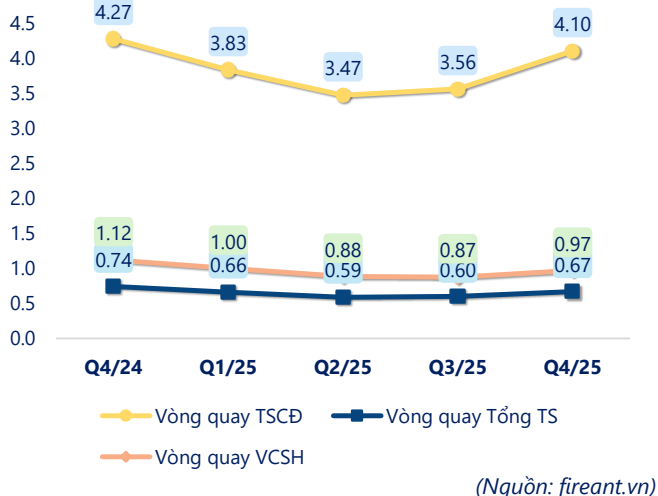
Tỷ suất lợi nhuận



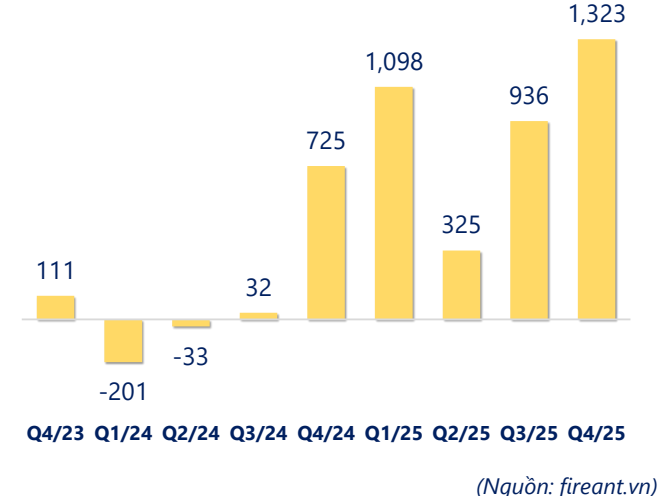
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	220	151	45.7%	547	627	-12.8%
Giá vốn hàng bán	192	135	41.9%	469	569	-17.5%
Lợi nhuận gộp	28.4	15.9	78.7%	77.5	58.0	33.6%
Doanh thu HĐTC	11.6	2.72	328%	21.3	6.88	210%
Chi phí TC	2.88	4.69	-38.6%	10.6	12.5	-15.3%
Chi phí lãi vay	2.66	2.75	-3.4%	9.15	11.7	-22.1%
LN trong công ty LKLD	7.77	4.51	72.2%	8.34	2.45	240%
Chi phí bán hàng	8.49	8.29	2.4%	32.8	27.3	19.9%
Chi phí QLDN	5.13	5.09	0.8%	13.8	21.7	-36.4%
LN thuần từ HĐKD	31.3	5.09	515%	50.0	5.78	764%
Lợi nhuận khác	0.33	0.30	9.2%	-9.68	2.40	-503%
LN trước thuế	31.6	5.39	487%	40.3	8.19	393%
Lợi nhuận sau thuế	31.1	5.39	477%	39.8	8.13	389%
LNST của CĐ cty mẹ	31.1	5.39	477%	39.8	8.13	389%

(Nguồn: fireant.vn)

